

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
CÁP TREO BÀ NÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3203001615, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp bổ sung 18 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511 379 1290
- Fax : 0511 379 1290

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Khu du lịch và Biệt thự nghỉ dưỡng Làng Pháp, địa chỉ tại Khu du lịch Bà Nà Hills – thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng hệ thống cáp treo và máng trượt. Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách du lịch. Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà làm văn phòng;
- Cho thuê quảng cáo trên pano, trụ tháp và cabin cáp treo thuộc công ty quản lý; dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Kinh doanh du lịchữ hành nội địa và quốc tế;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- San lấp mặt bằng, dịch vụ nổ mìn;
- Bán sách báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ xông hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Điều hành tour du lịch;
- Kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí và chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí. Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy điện thủy lợi, công trình điện đến 110KV và hạ tầng cơ sở kỹ thuật. Xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật;
- Khai thác, mua bán và chế biến các loại khoáng sản./.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Minh Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2014
Ông Mạnh Xuân Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2013
Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2013
Ông Nguyễn Việt Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ông Phan Trung Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phùng Thế Tính	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Bà Trần Thị Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2015

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Anh Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2012
Ông Phạm Văn Hoàng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Lâm An	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2014
Bà Phùng Phạm Thanh Thúy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ông Hoàng Văn Thiệu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Số: 422/2016/BCTC-KTTV



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2016, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		835.488.598.653	1.008.851.199.731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.803.940.616	10.462.498.615
1. Tiền	111		27.803.940.616	10.462.498.615
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		712.901.856.563	836.972.369.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	43.303.347.149	19.438.811.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	312.565.328.567	316.948.397.787
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	288.000.000.000	242.290.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	68.769.473.515	258.284.850.887
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	263.707.332	10.309.091
IV. Hàng tồn kho	140		54.856.306.833	91.173.394.517
1. Hàng tồn kho	141	V.8	54.856.306.833	91.173.394.517
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.926.494.641	70.242.937.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	29.167.501.113	39.578.247.392
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.490.540.637	30.640.362.046
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	268.452.891	24.327.647
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.554.572.632.589	4.504.559.074.398
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		919.021.146.690	1.245.270.133.333
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	919.021.146.690	1.245.270.133.333
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.194.000.456.302	3.032.457.336.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.956.476.289.796	2.794.968.816.821
<i>Nguyên giá</i>	222		3.742.862.880.101	3.421.819.748.858
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(786.386.590.305)	(626.850.932.037)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	237.524.166.506	237.488.520.135
<i>Nguyên giá</i>	228		240.225.946.820	239.769.433.365
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.701.780.314)	(2.280.913.230)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		88.211.450.694	182.077.396.048
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	88.211.450.694	182.077.396.048
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		340.270.000.000	29.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	311.250.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	29.020.000.000	29.020.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.069.578.903	15.734.208.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	13.069.578.903	15.734.208.061
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.390.061.231.242	5.513.410.274.129

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.842.193.248.629	3.132.832.428.729
I. Nợ ngắn hạn	310		1.375.452.152.295	769.988.446.471
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	317.273.607.374	225.823.404.598
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.232.186.997	4.009.488.096
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	43.377.465.185	3.983.558.718
4. Phải trả người lao động	314		15.017.954.328	13.401.734.444
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	40.388.932.871	20.800.832.679
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		252.860.673	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	6.447.350.305	27.333.111.423
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	944.461.794.562	474.636.316.513
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.466.741.096.334	2.362.843.982.258
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	17.900.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	1.433.629.421.109	2.306.764.062.785
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.18	33.111.675.225	38.179.919.473
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.547.867.982.613	2.380.577.845.400
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.547.867.982.613	2.380.577.845.400
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.164.000.000.000	2.164.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông cả quyền biểu quyết	411a		2.164.000.000.000	2.164.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		383.867.982.613	216.577.845.400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		216.577.845.400	216.577.845.400
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		167.290.137.213	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.390.061.231.242	5.513.410.274.129

Người lập biểu



Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm An

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Đỗ Thị Tuyết Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	731.748.624.230	466.025.971.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		731.748.624.230	466.025.971.742
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	341.553.494.809	195.716.111.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		390.195.129.421	270.309.859.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.121.883.494	44.798.207.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	113.061.840.675	105.144.530.923
Trong đó: chi phí lãi vay	23		111.335.783.043	103.016.129.821
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	42.580.905.124	33.973.181.570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.899.297.723	18.233.391.728
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		214.774.969.393	157.756.963.245
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.375.244.778	1.910.070.027
12. Chi phí khác	32	VI.8	6.321.998.344	461.601.761
13. Lợi nhuận khác	40		(4.946.753.566)	1.448.468.266
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		209.828.215.827	159.205.431.511
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		47.606.322.862	13.849.421.326
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(5.068.244.248)	4.237.540.398
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		167.290.137.213	141.118.469.787
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	773	652
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	773	652

Người lập biểu

Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm An

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Đỗ Thị Tuyết Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		209.828.215.827	159.205.431.511
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		162.040.946.682	89.164.040.171
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.423.680)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.374.160.101)	(44.914.384.765)
- Chi phí lãi vay	06		111.335.783.043	103.016.129.821
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		475.828.361.771	306.471.216.738
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		516.620.370.787	118.983.262.034
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		36.317.087.684	(52.086.333.617)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(88.716.624.086)	267.859.031.805
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.075.375.437	(20.361.241.531)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(113.036.746.762)	(95.051.283.526)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(9.898.933.457)	(518.267.896)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		830.188.891.374	525.296.384.007
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(299.080.632.495)	(271.322.767.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		220.694.875	479.254.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(288.000.000.000)	(595.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		242.290.000.000	275.350.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(311.250.000.000)	(20.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.944.154.029	18.279.708.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(647.875.783.591)	(592.513.804.260)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		156.449.631.499	446.757.009.670
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(321.421.297.281)	(340.316.377.089)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(164.971.665.782)	106.440.632.581
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.341.442.001	39.223.212.328
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.462.498.615	4.188.956.024
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	27.803.940.616	43.412.168.352

Người lập biểu



Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm An

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Đỗ Thị Tuyết Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng hệ thống cáp treo và máng trượt. Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách du lịch. Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà làm văn phòng;
- Cho thuê quảng cáo trên pano, trụ tháp và cabin cáp treo thuộc công ty quản lý; dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- San lấp mặt bằng, dịch vụ nổ mìn;
- Bán sách báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ xông hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Điều hành tua du lịch;
- Kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí và chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí. Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy điện thủy lợi, công trình điện đến 110KV và hạ tầng cơ sở kỹ thuật. Xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật;
- Khai thác, mua bán và chế biến các loại khoáng sản./.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng có trụ sở chính tại Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng, đầu tư, kinh doanh Bất động sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 41,5%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Khu du lịch và Biệt thự nghỉ dưỡng Làng Pháp, địa chỉ tại Khu du lịch Bà Nà Hills – thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.485 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 948 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho của hàng tồn kho dùng cho hoạt động đầu tư được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá xuất kho của hàng tồn kho cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê văn phòng

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê văn phòng phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp được thẳng với thời gian trả trước của hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng thuê văn phòng.

Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu

Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu phát sinh sau khi trái phiếu phát hành được phân bổ vào chi phí theo phương pháp được thẳng với thời gian bằng thời hạn đáo hạn của trái phiếu.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>	<u>Số năm/Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35	05 – 35
Máy móc và thiết bị	03 – 12	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10	06 – 35
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 08	04 – 08
Tài sản cố định khác	04 – 10	04 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 04 đến 06 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Bản quyền tác giả của Công ty là quyền phát hành đĩa nhạc, tuy nhiên Công ty chưa sử dụng, do đó chưa trích khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.722.357.240	2.196.002.933
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.689.292.376	7.736.553.682
Tiền đang chuyển	1.392.291.000	529.942.000
Cộng	27.803.940.616	10.462.498.615

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết		311.250.000.000		
Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng ⁽ⁱ⁾	31.125.000	311.250.000.000		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.020.000.000		29.020.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa ⁽ⁱⁱ⁾		28.000.000.000		28.000.000.000
Công ty Cổ phần DHC Suối Đồi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	102.000	1.020.000.000	102.000	1.020.000.000
Cộng		340.270.000.000		29.020.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104564681 ngày 21 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng 311.250.000.000 VND, tương đương 41,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300634655 ngày 26 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, để thực hiện đầu tư quản thể du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn tại thị trấn Sapa tỉnh Lào Cai, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa 28.000.000.000 VND, tương đương 10,32% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401585934 ngày 07 tháng 02 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp để thực hiện đầu tư khai thác Dự án Khu du lịch sinh thái Suối Đồi và mỏ khoáng nóng tại thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần DHC Suối Đồi 1.020.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty cổ phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>15.201.365.371</i>	<i>8.136.929.025</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa	605.500	24.587.920
Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ	9.352.079.464	
Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	1.652.700	1.652.700
Công ty TNHH Công viên Châu Á		4.745.305.198
Công ty Cổ phần Khu du lịch Sinh thái Biển Bãi Bắc	5.400.060.000	3.110.575.000
Công ty TNHH Một thành viên Mặt trời Phú Quốc	74.558.500	59.295.000
Công ty Cổ phần Khu Biệt thự Nghi dưỡng Cao cấp Sunrise		34.073.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Thời Đại	372.409.207	161.440.207
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>28.101.981.778</i>	<i>11.301.882.724</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời	163.571.076	147.376.376
Công ty TNHH Thương mại Miền đất Mặt trời		140.507.109
Công ty TNHH Olympia	24.441.974.904	8.864.264.018
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương ADC	1.283.903.929	595.435.614
Công ty TNHH Đá Chàm	271.135.514	275.268.804
Các khách hàng khác	1.941.396.355	1.279.030.803
Cộng	<u>43.303.347.149</u>	<u>19.438.811.749</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>312.565.328.567</i>	<i>316.948.397.787</i>
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Olympia	86.995.356.969	34.314.520.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA	44.722.638.062	63.355.890.244
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương ADC	105.706.908.756	141.189.666.410
Doppelmayr Seilbahnen GMBH	48.610.179.881	51.589.311.012
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Thương mại Đại Thiên Phát		10.375.000
Công ty TNHH Mặt Trời Xứ Nghệ	177.000.000	
Các nhà cung cấp khác	26.353.244.899	26.488.635.121
Cộng	<u>312.565.328.567</u>	<u>316.948.397.787</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	288.000.000.000	242.290.000.000
Ông Trần Minh Sơn		10.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương Lan		231.890.000.000
Ông Phạm Quốc Quân	288.000.000.000	
Cộng	288.000.000.000	242.290.000.000

6. Phải thu ngắn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	41.725.582.008		145.209.629.170	
Ông Mạnh Xuân Thuận - thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán và các khoản khác	500.786.000		483.322.000	
Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ	41.224.796.008		144.726.307.170	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	27.043.891.507		113.075.221.717	
Ông Trần Minh Sơn - lãi cho vay	2.896.292.431		60.886.224.375	
Bà Nguyễn Thị Hương Lan - lãi cho vay			18.080.711.804	
Ông Phạm Quốc Quân - lãi cho vay	2.678.027.778			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời (lãi hợp tác kinh doanh và các khoản khác)	4.026.000		7.750.000	
Tiền lãi vay hợp đồng hợp tác kinh doanh đã chi hộ			22.755.122.111	
Phải thu Nguyễn Minh Trang về tiền vé phân phối cho chương trình mùa đông Concert và Liveshow Bằng Kiều			800.000.000	
Thuế GTGT chưa kê khai	10.620.387.196		5.301.683.734	
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng	2.800.000.000		2.800.000.000	
Tạm ứng ngắn hạn	889.893.294		731.453.380	
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.982.273		20.982.273	
Các khoản khác	7.134.282.535		1.691.294.040	
Cộng	68.769.473.515		258.284.850.887	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	919.021.146.690		1.245.270.133.333	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời - Góp vốn hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	898.750.000.000		1.225.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh niên - Góp vốn hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	20.000.000.000		20.000.000.000	
Các khoản ký cược, ký quỹ	271.146.690		270.133.333	
Cộng	919.021.146.690		1.245.270.133.333	

(i) Hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án xây dựng khu đô thị sinh thái đa chức năng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ kinh doanh "Dự án Hòa Xuân giai đoạn 2" số 15042013/HDDT/Sungroup-Bana ngày 20/04/2013 giá trị 600 tỷ đồng, tương đương 15% tổng giá trị hợp đồng và hợp đồng 366/2015/HDHT/BNC-SHD, ngày 25/11/2015 giá trị 625 tỷ đồng tương đương 28,9% tổng hợp đồng đầu tư. Theo đó Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp Treo Bà Nà và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời cùng nhau góp vốn, xây dựng, kinh doanh cùng thực hiện phân chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngày 15/3/2016 Công ty đã chấm dứt hợp tác đầu tư Hợp đồng số 15042013/HDDT/Sungroup-Bana. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty đã nhận lại được 326.250.000.000 VND.

(ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Cao ốc Trần Hưng Đạo số 327/2015/HDHT/BNC-TTTN ngày 25/12/2014 tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp Treo Bà Nà và Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên cùng nhau góp vốn, xây dựng, kinh doanh cùng thực hiện phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho	263.707.332	10.309.091

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.775.391.446		57.281.796.004	
Công cụ, dụng cụ	9.132.000.423		31.258.899.019	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.353.731		18.628.323	
Thành phẩm	17.814.460		12.097.567	
Hàng hóa	4.917.746.773		2.601.973.604	
Cộng	54.856.306.833		91.173.394.517	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.322.145.908	700.975.083
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.082.878.384	26.301.913.440
Chi phí đồng phục nhân viên	425.187.912	1.035.135.010
Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản	12.269.533.472	10.882.424.745
Chi phí thuê văn phòng	120.000.000	160.000.000
Phí bảo lãnh tài sản	1.062.500.000	
Chi phí khác	1.885.255.437	497.799.114
Cộng	29.167.501.113	39.578.247.392

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.459.857.779	8.493.954.338
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	1.804.872.796	2.565.278.723
Chi phí liên quan trái phiếu phát hành	3.699.375.000	4.501.875.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	105.473.328	173.100.000
Cộng	13.069.578.903	15.734.208.061

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	1.974.557.044.041	466.502.265.855	806.578.526.446	3.971.285.289	170.210.627.227	3.421.819.748.858
Mua trong kỳ		5.810.791.080	1.418.248.985	1.119.262.714	2.190.453.878	10.538.756.657
Đầu tư XDCB hoàn thành	309.805.001.048	3.736.525.796			35.159.974	313.576.686.818
Thanh lý, nhượng bán		(2.680.590.544)		(391.721.688)		(3.072.312.232)
Số cuối kỳ	2.284.362.045.089	473.368.992.187	807.996.775.431	4.698.826.315	172.436.241.079	3.742.862.880.101
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.988.700	1.640.258.409	244.359.333	1.379.084.897		3.677.691.339
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	235.631.154.407	229.533.072.411	111.242.131.289	2.813.079.488	47.631.494.442	626.850.932.037
Khấu hao trong kỳ	46.766.929.509	35.523.039.783	66.047.151.273	295.270.645	13.184.890.487	161.817.281.697
Thanh lý nhượng bán		(1.941.820.343)		(339.803.086)		(2.281.623.429)
Số cuối kỳ	282.398.083.916	263.114.291.851	177.289.282.562	2.768.547.047	60.816.384.930	786.386.590.305
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.738.925.889.634	236.969.193.444	695.336.395.157	1.158.205.801	122.579.132.785	2.794.968.816.821
Số cuối kỳ	2.001.963.961.173	210.254.700.336	630.707.492.869	1.930.279.268	111.619.856.149	2.956.476.289.796
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.266.314.112.141 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu thường tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	236.011.681.017	225.500.000	3.532.252.348	239.769.433.365
Mua sắm trong kỳ			456.513.455	456.513.455
Số cuối kỳ	236.011.681.017	225.500.000	3.988.765.803	240.225.946.820
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			51.760.800	51.760.800
Chờ thanh lý				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm			2.280.913.230	2.280.913.230
Khấu hao trong kỳ			420.867.084	420.867.084
Số cuối kỳ			2.701.780.314	2.701.780.314
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	236.011.681.017	225.500.000	1.251.339.118	237.488.520.135
Số cuối kỳ	236.011.681.017	225.500.000	1.286.985.489	237.524.166.506

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 205.688.993.017 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	34.076.099.000	8.233.848.207	(7.420.062.055)		34.889.885.152
Xây dựng cơ bản dở dang	145.555.035.734	459.961.330.125	(313.576.686.818)	(241.119.472.181)	50.820.206.860
- Dự án Làng Pháp	111.561.153.649	158.608.695.770	(270.169.849.419)		
- Dự án sân Golf ⁽ⁱ⁾		241.119.472.181		(241.119.472.181)	
- Công trình Lâu Đài (thuộc Làng Pháp)	32.708.698.795	6.780.985.646			39.489.684.441
- Các công trình khác	1.285.183.290	53.452.176.528	(43.406.837.399)		11.330.522.419
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.446.261.314	646.049.920		(590.952.552)	2.501.358.682
Cộng	182.077.396.048	468.841.228.252	(320.996.748.873)	(241.710.424.733)	88.211.450.694

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000011 chứng nhận lần đầu ngày 8/5/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 23/08/2012: Tên dự án đầu tư là Quần thể Khu du lịch Bà Nà - Suối Mơ được phân kỳ thành 2 giai đoạn, giai đoạn 1 thực hiện tuyến cáp treo Bà Nà khởi công tháng 1 năm 2008 và dự kiến hoàn thành tháng 12 năm 2008, giai đoạn 2 thực hiện khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ khởi công năm 2009 và dự kiến hoàn thành năm 2015; Mục tiêu và quy mô của dự án là đầu tư xây dựng tuyến cáp treo, nhà ga đi, ga đến, sân Golf; đầu tư xây dựng và kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ; Địa điểm thực hiện dự án tại xã Hòa Ninh và Hòa Phú, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng trên diện tích đất sử dụng là 816,7552 ha với tổng vốn đầu tư là 9.849.450.000.000 VND; Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Theo Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông số 21/15/QĐ-ĐHĐCĐ/BNC ngày 21 tháng 05 năm 2015 về việc tách Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà, theo đó công ty được tách là Công ty Cổ phần Sân golf Bà Nà Suối Mơ, do đó tài sản đầu tư của dự án sân Golf được chuyển giao cho Công ty được chia tách.

Công ty đã thể chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 85.710.092.012 VND (số đầu năm là 179.631.134.734 VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>10.050.991.434</i>	<i>2.512.017.226</i>
Công ty Cổ Phần Khu Biệt thự Nghi dưỡng Cao Cấp Sunrise	305.281.015	989.584.153
Công ty Cổ phần Khu Du lịch Sinh thái Biển Bắc	778.550.803	128.695.189
Công ty TNHH Công viên Châu Á	8.523.674.478	771.612.554
Công Ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	443.485.138	622.125.330
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>307.222.615.940</i>	<i>223.311.387.372</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời	3.442.158.550	3.804.781.250
Công ty TNHH Olympia	70.820.485.344	55.555.903.439
Công ty TNHH Thương mại Miền đất Mặt Trời	37.869.627.935	110.461.897.473
Công ty TNHH Cung ứng Hàng hóa Đầu tư Miền Đất Mặt trời	144.322.556.884	21.471.670.095
Công ty TNHH Cung ứng Hàng hóa Thăng Long	29.470.739.088	2.850.148.345
Công ty TNHH Mặt Trời Xứ Nghệ		833.632.400
Các nhà cung cấp khác	21.297.048.139	28.333.354.370
Cộng	317.273.607.374	225.823.404.598

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	41.393.265		929.058.133	869.348.346	109.101.962	7.998.910
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			417.921.229	420.158.630		2.237.401
Thuế xuất, nhập khẩu		24.327.647	22.374.009	44.748.018		46.701.656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.855.691.032		47.606.322.862	9.898.933.457	41.563.080.437	
Thuế thu nhập cá nhân	86.474.421		1.093.436.639	1.007.832.886	172.078.174	
Thuế nhà đất			3.138.762.618	1.605.558.006	1.533.204.612	
Các loại thuế khác			1.209.083.862	1.420.598.786		211.514.924
Cộng	3.983.558.718	24.327.647	54.416.959.352	15.267.178.129	43.377.465.185	268.452.891

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000011 ngày 08 tháng 5 năm 2008 do Ủy Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu và cấp bổ sung lần 3 là ngày 23 tháng 8 năm 2012, Công ty được hưởng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20% và áp dụng trong thời gian 10 năm, kể từ khi dự án đầu tư: Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2009); được miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2015) và được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	209.828.215.827	159.205.431.511
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	31.432.556.551	(20.711.218.249)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	31.432.556.551	(20.711.218.249)
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>6.091.335.311</i>	<i>476.483.741</i>
<i>Chênh lệch khấu hao tuyến cáp</i>	<i>25.341.221.240</i>	<i>(21.187.701.990)</i>
Thu nhập chịu thuế	241.260.772.378	138.494.213.262
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển	(3.771.530.830)	
Thu nhập tính thuế	237.489.241.548	138.494.213.262
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	47.497.848.310	27.698.842.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm		(13.849.421.326)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	47.497.848.310	13.849.421.326
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	108.474.552	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	47.606.322.862	13.849.421.326

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	40.388.932.871	20.800.832.679
Chi phí lãi vay	22.219.495.426	
Chi phí thi công các hạng mục đã hoàn thành	9.034.054.589	16.554.141.660
Chi phí quảng cáo	1.500.000.000	3.000.000.000
Chi phí điện nước		85.477.307
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.635.382.856	1.161.213.712
Cộng	40.388.932.871	20.800.832.679

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.447.350.305	27.333.111.423
Tài sản thừa chờ giải quyết	252.848.491	11.091.954
Kinh phí công đoàn	823.117.299	493.659.199
Bảo hiểm xã hội	1.213.324.415	11.921.519
Bảo hiểm y tế	158.443.492	85.001
Bảo hiểm thất nghiệp	71.232.801	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	417.994.800	290.018.000
Chi phí lãi vay phải trả		23.920.459.145
Phải trả ông Lê Minh Đức	97.658.190	97.658.190
Phải trả ông Nguyễn Xuân Trường	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.912.730.817	1.008.218.415
Cộng	6.447.350.305	27.333.111.423

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả tiền hợp tác kinh doanh ông Phạm Quốc Quân dự án quản thể sinh thái Bà Nà - Suối Mơ.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ**17a. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	944.461.794.562	474.636.316.513
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.889.972.402	67.394.040.649
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ⁽¹⁾	79.889.972.402	67.394.040.649
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	364.571.822.160	407.242.275.864
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng	8.243.250.000	8.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	153.658.572.160	199.722.275.864

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung</i>	202.670.000.000	199.520.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	500.000.000.000	
Cộng	944.461.794.562	474.636.316.513

- (i) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với 03 lô đất: Lô 29 B2-32, Lô 28 B2-32, Lô 1 B2-21 tại khu đô thị ven sông Hòa Xuân, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.394.040.649	104.627.489.250		(92.131.557.497)	79.889.972.402
Vay dài hạn đến hạn trả	407.242.275.864		186.619.286.080	(229.289.739.784)	364.571.822.160
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	8.000.000.000		6.000.000.000	(5.756.750.000)	8.243.250.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	199.722.275.864		76.829.286.080	(122.892.989.784)	153.658.572.160
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung</i>	199.520.000.000		103.790.000.000	(100.640.000.000)	202.670.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả			500.000.000.000		500.000.000.000
Cộng	474.636.316.513	104.627.489.250	686.619.286.080	(321.421.297.281)	944.461.794.562

17b. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	1.433.629.421.109	2.306.764.062.785
Vay dài hạn ngân hàng	934.032.198.886	1.307.562.673.896
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng⁽ⁱ⁾</i>	13.332.772.193	19.332.772.193
<i>Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng⁽ⁱⁱ⁾</i>	441.471.625.590	518.300.911.670
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	479.227.801.103	769.928.990.033
Trái phiếu thường dài hạn ^(iv)	499.597.222.223	999.201.388.889
Cộng	1.433.629.421.109	2.306.764.062.785

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng để Thanh toán chi phí thực hiện Dự án xe trượt ống Bà Nà thuộc dự án quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 68 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân thửa đất số 1 -11 B2-20, 14-19 B2-20 và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi tiết như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 02-2013/HĐTD/VPB_BNC ngày 9/7/2013 để thanh toán các khoản vay theo đầu tư dự án tuyến cáp treo 1&2 với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 34 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất của 13 lô đất trên đỉnh Bà Nà: AN104127-29, 58-59, N631339-41, N652676-77, N652679, N652681-82, Tuyến cáp 1,2 và nhà ga 1- 4 và 45 triệu cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà của ông Mạnh Xuân Thuận.
 - Hợp đồng tín dụng số 100414-832941-01-SME ngày 24/4/2014 để Đầu tư Dự án Khu vườn hoa Festival Bà Nà Hills với lãi suất theo khế ước nhận nợ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 07 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Toàn bộ tài sản gắn liền với đất Dự án Khu vườn hoa Festival Bà Nà Hills.
 - Hợp đồng tín dụng số 271213-832941-01-SME ngày 30/12/2013 để Đầu tư Dự án tuyến cáp treo Bà Nà - By Night với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/VPB-BNC ngày 22/4/2013 để thanh toán cho các hạng mục triển khai thuộc dự án "Khu vui chơi giải trí FEC & CLUB" với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất tại khu vui chơi giải trí gia đình FEC&CLUB, động sản và quyền tài sản phát sinh từ hoặc được tạo lập trong quá trình xây dựng và triển khai dự án.
- (iii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, chi tiết như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/4312641/HĐTD ngày 06/02/2013 để thanh toán Dự án khu khách sạn Mercure - Làng Pháp Bà Nà với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 96 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, 18 lô đất thuộc khu đô thị sinh thái Hòa Xuân: 1-15, 21-23 B2-4, thửa đất số 2, 3 biểu đồ số 13.
 - Hợp đồng tín dụng số 04/2012/4312641/HĐTD ngày 21/12/2012 để thanh toán Dự án Đầu tư Nhà Ga và tuyến cáp treo số 3 với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 66 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 2.300.000 Cổ phiếu Tập đoàn Vingroup thuộc sở hữu của bà Phạm Thu Hương, Khu đất 400.000 m2 tại Bà Nà - Suối Mơ, quyền sử dụng các lô đất Khu đô thị Hòa Xuân giai đoạn 1A: thửa đất số 7-36 tờ bản đồ B1-36 và thửa đất số 1-33 tờ bản đồ số B1-37, quyền sử dụng đất thửa số 1, tờ B2-9 Hòa Xuân Riaparian giai đoạn 2.
 - Hợp đồng tín dụng số 06/2013/4312641/HĐTD ngày 7/8/2013 để thanh toán đầu tư dự án sân Golf Bà Nà - Giai đoạn 1 với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng 2 lô đất diện tích 12.813 m2 thửa số 1 tờ bản đồ A5 GCN QSD BE 572595 và thửa số 1 tờ bản đồ A8 BE 572593, và quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền đất tại Khu đô thị Ven sông Hàn và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn từ 02 đến 03 năm, được phát hành cho các tổ chức tín dụng để mở rộng đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ phát hành trái phiếu thường (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất	Kỳ hạn
				Giá trị
Trái phiếu phát hành cho các tổ chức khác				1.000.000.000.000
Phát hành theo mệnh giá				
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo là Cổ phần VIC thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thành phố mặt trời; bà Chu Thị Hồng Hạnh; Công ty Cổ phần Địa Cầu, ông Nguyễn Văn Hiệp; ông Trần Khanh, mệnh giá 200.000.000.000 VND phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam để tăng quy mô vốn hoạt động	10,04%/năm	36 tháng		200.000.000.000
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu VIC, mệnh giá 150.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương để tăng quy mô vốn hoạt động	9%/năm	24 tháng		150.000.000.000
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo bằng 6.6773.134 cổ phiếu VIC, mệnh giá 150.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á để tăng quy mô vốn hoạt động	9%/năm	24 tháng		150.000.000.000
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu VIC, mệnh giá 500.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời thực hiện đầu tư dự án Hòa Xuân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 366/2015/HTKD/BNC-SHD ngày 25/11/2015	9%/năm	24 tháng		500.000.000.000
Cộng				500.000.000.000
				1.000.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	1.298.604.021.046	364.571.822.160	934.032.198.886	
Trái phiếu thường	999.597.222.223	500.000.000.000	499.597.222.223	
Cộng	2.298.201.243.269	864.571.822.160	1.433.629.421.109	

Số đầu năm

Vay dài hạn ngân hàng	1.714.804.949.760	407.242.275.864	1.282.581.687.779	24.980.986.117
Trái phiếu thường	999.201.388.889		999.201.388.889	
Cộng	2.714.006.338.649	407.242.275.864	2.281.783.076.668	24.980.986.117

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Vay dài hạn	Trái phiếu thường	Cộng
Số đầu năm	1.307.562.673.896	999.201.388.889	2.306.764.062.785
Số tiền vay phát sinh	51.822.142.249		51.822.142.249
Tăng khác (phân bổ chi phí phát hành trái phiếu)		395.833.334	395.833.334
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(186.619.286.080)	(500.000.000.000)	(686.619.286.080)
Giảm khác ⁽ⁱ⁾	(238.733.331.179)		(238.733.331.179)
Số cuối kỳ	934.032.198.886	499.597.222.223	1.433.629.421.109

- ⁽ⁱ⁾ Giảm do chuyển chủ thể nhận số dư vay Hợp đồng 06/2013/4312641/HĐTD ngày 07 tháng 8 năm 2013 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Quang Trung sang cho Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ.

17c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch thời gian khấu hao theo quy định của Nhà nước và thời gian khấu hao của Công ty. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	38.179.919.473
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(5.068.244.248)
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Số cuối kỳ	33.111.675.225

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	2.164.000.000.000	216.577.845.400	2.380.577.845.400
Lợi nhuận trong kỳ		167.290.137.213	167.290.137.213
Số cuối kỳ	2.164.000.000.000	383.867.982.613	2.547.867.982.613

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Viết Lam	834.585.500.000	834.585.500.000
Ông Mạnh Xuân Thuận	735.770.000.000	735.770.000.000
Ông Vũ Huy Thắng	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời		154.674.500.000
Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc	154.674.500.000	
Các cổ đông khác	437.970.000.000	437.970.000.000
Cộng	2.164.000.000.000	2.164.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	216.400.000	216.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	216.400.000	216.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	216.400.000	216.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	216.400.000	216.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	216.400.000	216.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	3.334,50	1.365,10
Bath Thái Lan (BATH)	3.000,00	520,00

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cáp treo, dịch vụ tại ga	525.518.654.339	347.867.210.546
Doanh thu dịch vụ khách sạn, nhà hàng	121.017.792.005	79.477.770.345
Doanh thu dịch vụ cáp kéo và vườn hoa	37.000.433.640	25.503.035.455
Doanh thu dịch vụ kinh doanh tour	9.316.094.305	4.414.565.454
Doanh thu dịch vụ khác	38.895.649.941	8.763.389.942
Cộng	731.748.624.230	466.025.971.742

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Công viên Châu Á		
Cung cấp dịch vụ		1.301.136
Công ty Cổ phần Khu Du lịch sinh thái Biển Bãi Bắc		
Cung cấp dịch vụ	6.513.845.453	3.667.805.455
Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc		
Cung cấp dịch vụ	16.854.091	
Công ty Cổ phần Thương mại và truyền thông Thời Đại		
Cung cấp dịch vụ	197.017.271	131.142.106
Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ		
Cung cấp dịch vụ	5.839.545	

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cáp treo, dịch vụ tại ga	145.875.669.136	88.321.209.709
Giá vốn dịch vụ khách sạn, nhà hàng	139.036.806.899	77.834.480.615
Giá vốn dịch vụ cáp kéo và vườn hoa	22.872.503.234	20.012.184.940
Giá vốn dịch vụ kinh doanh tour	4.912.778.707	3.782.937.774
Giá vốn dịch vụ khác	28.855.736.833	5.765.298.728
Cộng	341.553.494.809	195.716.111.766

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	113.175.983	60.373.590
Lãi tiền cho vay	7.944.154.029	44.720.081.388
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	62.129.802	12.602.512
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	2.423.680	
Doanh thu tài chính khác		5.150.000
Cộng	8.121.883.494	44.798.207.490

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	111.335.783.043	103.016.129.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	52.914.526	297.179.284
Chi phí liên quan phát hành và quản lý trái phiếu, tài sản đảm bảo	1.645.833.334	1.710.000.000
Chi phí tài chính khác	27.309.772	121.221.818
Cộng	113.061.840.675	105.144.530.923

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.292.020.009	1.835.312.259
Chi phí vật liệu, bao bì	100.002.874	32.626.898
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	115.323.140	802.020.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.200.556	226.093.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.476.104.151	30.195.577.566
Các chi phí khác	1.501.254.394	881.551.631
Cộng	42.580.905.124	33.973.181.570

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.720.057.367	8.437.029.133
Chi phí vật liệu quản lý	806.186.968	171.895.166
Chi phí đồ dùng văn phòng	202.077.463	112.410.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	810.145.316	833.936.466
Thuế, phí và lệ phí	170.173.112	82.523.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.898.769.137	163.742.112
Các chi phí khác	9.291.888.360	8.431.855.241
Cộng	27.899.297.723	18.233.391.728

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		194.303.377
Tiền phạt tổn thất tài sản		159.537.273
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	256.273.200	
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	512.236.796	482.941.178
Hàng thừa do kiểm kê	5.504.443	39.707.379
Thu các khoản phạt khác	168.381.656	159.724.233
Thu nhập từ hợp đồng quảng cáo		536.000.000
Thu nhập khác	432.848.683	337.856.587
Cộng	1.375.244.778	1.910.070.027

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	569.903.928	
Phạt chậm nộp tiền đất	3.855.014.620	
Thuế bị phạt, bị truy thu	413.941.966	
Xử lý công nợ tồn đọng	1.377.954.545	444.943.970
Phạt hành chính	5.564.425	9.000.000
Chi phí khác	99.618.860	7.657.791
Cộng	6.321.998.344	461.601.761

9. Lãi trên cổ phiếu**Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	167.149.147.621	141.118.469.787
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	167.149.147.621	141.118.469.787
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	216.400.000	216.400.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	772	652

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.677.806.150	49.154.112.868
Chi phí nhân công	69.901.055.941	47.462.222.745
Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.040.946.682	89.164.040.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.216.905.664	51.040.469.698
Chi phí khác	21.196.983.219	11.101.839.582
Cộng	412.033.697.656	247.922.685.064

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ngoài ra, Ông Mạnh Xuân Thuận còn dùng 45.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số dư nợ gốc và tiền lãi.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 860.779.380 VND (cùng kỳ năm trước là 541.832.511 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần DHC Suối Đồi	Công ty nhận góp vốn
Công ty TNHH Mặt Trời Sông Hàn	Có chung thành viên chủ chốt là ông Phan Trung Hiếu
Công ty TNHH Công viên Châu Á	Có chung thành viên Hội đồng quản trị là ông Đặng Minh Trường
Công ty Cổ phần Khu Du lịch sinh thái Biển Bãi Bắc	Có chung thành viên Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Việt Sơn
Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Khu Biệt thự Nghỉ dưỡng Cao cấp Sunrise	Có chung thành viên nhân sự chủ chốt là ông Nguyễn Việt Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại và truyền thông Thời Đại	Có chung thành viên Hội đồng quản trị là ông Mạnh Xuân Thuận
Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ	Có chung thành viên chủ chốt là ông Đặng Minh Trường

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng</i>		
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Việt Minh Hoàng	311.250.000.000	
<i>Công ty TNHH Mặt Trời Sông Hàn</i>		
Nhận dịch vụ từ Mặt Trời Sông Hàn	951.574.296	632.043.626
Nhập Công cụ dụng cụ do Mặt Trời Sông Hàn cung cấp		83.519.120
<i>Công ty TNHH Công viên Châu Á</i>		
Nhận dịch vụ hoa hồng từ Công viên Châu Á	9.984.872.195	
Nhập Công cụ dụng cụ từ Công viên Châu Á	14.178.082	8.220.347
Nhập mua tài sản từ Công viên Châu Á		305.658.486
Bán tài sản cho Công viên Châu Á		165.916.352
<i>Công ty Cổ phần Khu Du lịch sinh thái Biển Bãi Bắc</i>		
Nhận dịch vụ do Khu Du lịch Sinh thái Biển Bãi Bắc cung cấp	1.020.756.010	1.176.340.821
<i>Công ty Cổ phần Khu Biệt thự Nghỉ dưỡng Cao cấp Sunrise</i>		
Nhận dịch vụ Sunrise cung cấp	500.121.244	1.254.845.565
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và truyền thông Thời Đại</i>		
Nhận dịch vụ Truyền thông Thời Đại cung cấp	23.496.895.093	22.944.912.388
<i>Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ</i>		
Bán vật tư cho Bà Nà Suối Mơ	8.591.787.012	
Chuyển công nợ cho Bà Nà Suối Mơ	16.252.986.018	
Chuyển tài sản cho Bà Nà Suối Mơ	241.119.472.181	
Lãi vay phải thu Bà Nà Suối Mơ	6.841.839.939	
Phải thu Bà Nà Suối Mơ tiền thuê đất	1.322.026.400	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh cáp treo và dịch vụ tại ga.
- Lĩnh vực nhà hàng, khách sạn.
- Lĩnh vực kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	525.518.654.339	121.017.792.005	85.212.177.886	731.748.624.230
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	525.518.654.339	121.017.792.005	85.212.177.886	731.748.624.230
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	379.642.985.203	(18.019.014.894)	28.571.159.112	390.195.129.421
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(70.480.202.847)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				319.714.926.574
Doanh thu hoạt động tài chính				8.121.883.494
Chi phí tài chính				(113.061.840.675)
Thu nhập khác				1.375.244.778
Chi phí khác				(6.321.998.344)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(47.606.322.862)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				5.068.244.248
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				167.290.137.213
 Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	166.662.858.464	38.379.553.179	27.024.169.409	232.066.581.052
 Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	119.630.861.403	27.548.903.513	19.397.991.219	166.577.756.135
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	347.867.210.546	79.477.770.345	38.680.990.851	466.025.971.742
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.867.210.546	79.477.770.345	38.680.990.851	466.025.971.742

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	259.546.000.837	1.643.289.730	9.120.569.409	270.309.859.976
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(52.206.573.298)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				218.103.286.678
Doanh thu hoạt động tài chính				44.798.207.490
Chi phí tài chính				(105.144.530.923)
Thu nhập khác				1.910.070.027
Chi phí khác				(461.601.761)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13.849.421.326)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(4.237.540.398)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				141.118.469.787
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	185.796.235.826	42.785.636.698	30.126.622.085	258.708.494.609
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	68.198.495.996	15.704.925.668	11.058.298.929	94.961.720.593

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				3.746.196.670.420
Tài sản phân bổ cho bộ phận	2.690.399.637.170	619.552.171.961	436.244.861.289	1.643.864.560.821
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				5.390.061.231.241
Tổng tài sản				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				2.798.815.783.444
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.010.020.730.556	462.872.761.391	325.922.291.497	43.377.465.185
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.842.193.248.629
Tổng nợ phải trả				
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				3.728.082.791.294
Tài sản phân bổ cho bộ phận	2.782.844.390.505	635.800.847.764	309.437.553.025	1.785.327.482.835
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				5.513.410.274.129
Tổng tài sản				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				3.110.948.870.011
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.322.181.962.342	530.552.576.118	258.214.331.551	21.883.558.718
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				3.132.832.428.729
Tổng nợ phải trả				



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình đối với 3 tuyến cáp treo từ 35 năm xuống 10 năm (xem thuyết minh số IV.8). Ban Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao kỳ này giảm 47.041.463.838 VND.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.803.940.616			27.803.940.616
Phải thu khách hàng	43.303.347.149			43.303.347.149
Các khoản cho vay	288.000.000.000			288.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Các khoản phải thu khác	929.676.975.859			929.676.975.859
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.020.000.000			29.020.000.000
Cộng	1.317.804.263.624			1.317.804.263.624

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	10.462.498.615			10.462.498.615
Phải thu khách hàng	19.438.811.749			19.438.811.749
Các khoản cho vay	242.290.000.000			242.290.000.000
Các khoản phải thu khác	1.352.795.539.936			1.352.795.539.936
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.020.000.000			29.020.000.000
Cộng	1.654.006.850.300			1.654.006.850.300

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	944.461.794.562	1.433.629.421.109		2.378.091.215.671
Phải trả người bán	317.273.607.374			317.273.607.374
Các khoản phải trả khác	44.317.316.678			44.317.316.678
Cộng	1.306.052.718.614	1.433.629.421.109		2.739.682.139.723
Số đầu năm				
Vay và nợ	474.636.316.513	2.281.783.076.668	24.980.986.117	2.781.400.379.298
Phải trả người bán	225.823.404.598			225.823.404.598
Các khoản phải trả khác	47.617.186.429	17.900.000.000		65.517.186.429
Cộng	748.076.907.540	2.299.683.076.668	24.980.986.117	3.072.740.970.325

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Các khoản cho vay	288.000.000.000	242.290.000.000
Vay và nợ	(2.378.091.215.671)	(2.781.400.379.298)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(2.090.091.215.671)	(2.539.110.379.298)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 33.441.459.450 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 39.610.121.917 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.803.940.616		10.462.498.615	
Phải thu khách hàng	43.303.347.149		19.438.811.749	
Các khoản cho vay	288.000.000.000		242.290.000.000	
Các khoản phải thu khác	929.676.975.859		1.352.795.539.936	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.020.000.000		29.020.000.000	
Cộng	1.317.804.263.624		1.654.006.850.300	

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Vay và nợ	2.378.091.215.671		2.781.400.379.298	
Phải trả người bán	317.273.607.374		225.823.404.598	
Các khoản phải trả khác	44.317.316.678		65.517.186.429	
Cộng	2.739.682.139.723		3.072.740.970.325	

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Người lập biểu

Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm An

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 8 năm 2016

Giám đốc

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

PL - GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP SO VỚI KỲ TRƯỚC

6 tháng đầu năm 2016

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Chênh lệch	
		Năm 2016	Năm 2015	Giá trị	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	731.748.624.230	466.025.971.742	265.722.652.488	57,02%
2. Các khoản giảm trừ	02	-	-	-	
+ Chiết khấu thương mại	03	-	-	-	
+ Giảm giá	04	-	-	-	
+ Hàng bán bị trả lại	06	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10	731.748.624.230	466.025.971.742	265.722.652.488	57,02%
4. Giá vốn hàng bán	11	341.553.494.809	195.716.111.766	145.837.383.043	74,51%
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	390.195.129.421	270.309.859.976	119.885.269.445	44,35%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.121.883.494	44.798.207.490	(36.676.323.996)	-81,87%
7. Chi phí tài chính	22	113.061.840.675	105.144.530.923	7.917.309.752	7,53%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	111.335.783.043	103.016.129.821	8.319.653.222	8,08%
8. Chi phí bán hàng	25	42.580.905.124	33.973.181.570	8.607.723.554	25,34%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.899.297.723	18.233.391.728	9.665.905.995	53,01%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	214.774.969.393	157.756.963.245	57.018.006.148	36,14%
11. Thu nhập khác	31	1.375.244.778	1.910.070.027	(534.825.249)	-28,00%
12. Chi phí khác	32	6.321.998.344	461.601.761	5.860.396.583	1269,58%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(4.946.753.566)	1.448.468.266	(6.395.221.832)	-441,52%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	209.828.215.827	159.205.431.511	50.622.784.316	31,80%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	47.606.322.862	13.848.906.326	33.757.416.536	243,76%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(5.068.244.248)	4.237.540.398	(9.305.784.646)	-219,60%
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	52A	(5.068.244.248)	4.237.540.398	(9.305.784.646)	-219,60%
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải thu	52B	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	167.290.137.213	141.118.984.787	26.171.152.426	18,55%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	773,06	576,23	120,94	20,99%
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp kết quả kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 57,02% so với cùng kỳ năm trước do 6 tháng đầu năm 2016 lượng khách đến Bà Nà tăng.
- Giá vốn tăng 74,51% chủ yếu các dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn tăng tương ứng doanh thu, chi phí khấu hao tài sản tăng mới.
- Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ giảm 81,87% Công ty có ít các khoản cho vay hơn năm trước.
- Chi phí bán hàng tăng 25,34% do tăng chi phí xây dựng thị trường, chiết khấu bán hàng thúc đẩy thị trường tăng trưởng doanh thu
- Chi phí QLDN tăng 53,01% chủ yếu do tăng chi phí nhân sự
- Thu nhập khác giảm 28,0%.
- Chi phí khác tăng 1.269,58% do trong kỳ phát sinh xử lý các khoản công nợ tồn đọng và chậm nộp tiền sử dụng đất.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 243,76% do tăng tương ứng với lợi nhuận trước thuế và năm 2016 Công ty không còn được ưu đãi thuế.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 18,55%